

BẢO VỆ QUYỀN CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TRONG LUẬT NHÂN QUYỀN QUỐC TẾ

TS. Lã Khánh Tùng

Khoa Luật – ĐH Quốc gia Hà Nội

Cùng với tiến trình toàn cầu hóa, xung đột vũ trang và nghèo đói hiện diện ở nhiều quốc gia đã dẫn đến sự gia tăng của việc dịch chuyển dân cư qua biên giới quốc gia, các vấn đề liên quan đến người nước ngoài ngày được quan tâm, thảo luận nhiều hơn từ các góc độ pháp lý, kinh tế, xã hội và văn hóa. Tuy nhiên, còn rất nhiều vấn đề đang đặt ra đối với việc thực thi quyền của người nhập cư, người nước ngoài trên thế giới.¹ Các vi phạm nổi bật đối với nhóm người này là bị kỳ thị, phân biệt đối xử, bị gạt ra bên lề xã hội, không được hưởng các quyền con người cơ bản nhất, cũng như thiếu cơ chế bảo vệ quyền.

Trong khi pháp luật quốc gia vẫn có vai trò trực tiếp, quyết định nhất đối với việc hiện thực hóa các quyền của người nước ngoài. Cơ chế pháp lý bảo vệ người nước ngoài đang ngày càng được củng cố hơn ở cả các cấp quốc gia, khu vực và quốc tế. Trong bài viết này, tác giả trình bày và phân tích khái quát khuôn khổ luật nhân quyền quốc tế bảo vệ quyền của người nước ngoài. Khuôn khổ này được đánh giá từ hai cấp độ: 1) Các nguyên tắc, chuẩn mực chung về bình đẳng, không phân biệt đối xử đối với người nước ngoài; 2) Quy định bảo vệ một số nhóm người nước ngoài đặc thù.

I. CÁC NGUYÊN TẮC CHUNG VỀ BÌNH ĐẲNG, KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Các quy định chung về nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử đã được khẳng định trong nhiều văn kiện quốc tế, tạo căn cứ quan trọng bảo vệ người nước ngoài (“alien”), hay còn được gọi là người không phải công dân” (“non-citizen”). Trong phần này, khuôn khổ pháp lý chung được phân tích từ hai nguồn chính: 1)

¹ Theo thông tin từ Báo cáo di dân thế giới (*World Migrant Report*) 2018 của Tổ chức di dân Liên Hợp quốc (IOM), dân số di dân trên toàn thế giới năm 2015 là 244 triệu (3,3% dân số thế giới), so với năm 1990 là 153 triệu (2,9 %). Một phần ba số di dân năm 2015 đang sống tại châu Âu (trang tin điện tử: www.iom.int). Riêng tại Miến Điện, từ tháng 8/2017 cho đến gần đây đã có khoảng 700.000 người sắc tộc thiểu số Rohingya tị nạn sang Bangladesh.

Các tuyên ngôn và công ước cơ bản về quyền con người; 2) Bình luận chung, khuyến nghị chung của các Ủy ban giám sát công ước.

1. Các tuyên ngôn và công ước cơ bản về quyền con người

Bên cạnh Tuyên ngôn nhân quyền phổ quát (UDHR, 1948) mang tính khái quát, đã có một văn kiện riêng về quyền của người nước ngoài là Tuyên ngôn về Quyền con người của những cá nhân không phải là công dân của quốc gia mà họ đang sinh sống. UDHR đã đặt ra nguyên tắc bình đẳng, từ góc độ triết lý: “Tất cả mọi người sinh ra đều được tự do và công bằng về quyền và nhân phẩm” (Điều 1), cũng như nêu ra các căn cứ cụ thể không được phân biệt (Điều 2). Tại Điều 2 Tuyên ngôn khẳng định: “*Mọi người đều được hưởng tất cả các quyền và tự do nêu trong bản Tuyên ngôn này mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, thành phần xuất thân hay tình trạng khác*”.

Tháng 12 năm 1985, Đại Hội đồng Liên Hợp quốc thông qua Nghị quyết số 40/144 về Tuyên ngôn về Quyền con người của những cá nhân không phải là công dân của quốc gia mà họ đang sinh sống (*Declaration on the Human Rights of Individuals who are not nationals of the country in which they live*). Điều 1 Tuyên ngôn khẳng định thuật ngữ “người nước ngoài” (“alien”) sẽ được dùng để chỉ bất cứ người nào không phải là công dân ở quốc gia mà họ đang hiện diện. Bên cạnh các nguyên tắc chung, Tuyên bố 1985 cũng quan tâm đến những quyền cụ thể. Từ điều 5 đến điều 10 của Tuyên ngôn khẳng định một số quyền cơ bản của người nước ngoài như: quyền sống và an ninh cá nhân; quyền được bảo vệ chống lại sự can thiệp một cách tùy tiện và phi pháp vào đời tư, gia đình, chỗ ở hay thư từ; quyền bình đẳng trước tòa án tự do biểu đạt, lập hội hòa bình, tự do sở hữu tài sản (Điều 5); quyền không bị tra tấn hay hành hạ, đối xử hay trừng phạt vô nhân đạo hay hạ nhục (Điều 6); quyền lao động, công đoàn, quyền được bảo vệ sức khỏe chăm sóc y tế, an sinh xã hội, dịch vụ xã hội, giáo dục (Điều 8). Liên quan đến vấn đề trục xuất, Điều 7 Tuyên ngôn 1985 nghiêm cấm việc trục xuất các cá nhân hay tập thể người nước ngoài dựa trên sự phân biệt về chủng tộc, màu da, tôn giáo, văn hóa, nguồn gốc đạo đức, dân tộc hay dòng dõi.

Trong các công ước chính của Liên Hợp quốc về nhân quyền, nguyên tắc không được phân biệt đối xử dựa trên quốc tịch, nguồn gốc dân tộc đều được

khẳng định trực tiếp hoặc gián tiếp. Trước hết, trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR), Khoản 1, Điều 2 xác định nghĩa vụ của các quốc gia thành viên Công ước tôn trọng và bảo đảm cho mọi người trong phạm vi lãnh thổ và thẩm quyền tài phán của mình các quyền đã được công nhận trong Công ước mà *“không có bất kỳ sự phân biệt nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, thành phần xuất thân hoặc địa vị khác”*. Hơn thế nữa, Điều 26 ICCPR đòi hỏi *“mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và có quyền được pháp luật bảo vệ một cách bình đẳng mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào”* và rằng *“pháp luật phải nghiêm cấm mọi sự phân biệt đối xử và đảm bảo cho mọi người sự bảo hộ bình đẳng và có hiệu quả chống lại những phân biệt đối xử về chủng tộc, màu da, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội...”*

Điều 13 ICCPR áp dụng riêng đối với người nước ngoài. Theo đó, *“một người nước ngoài cư trú hợp pháp trên lãnh thổ một quốc gia thành viên Công ước chỉ có thể bị trục xuất khỏi nước đó theo quyết định phù hợp với pháp luật, và trừ trường hợp có yêu cầu khác xuất phát từ lý do chính đáng về an ninh quốc gia; người bị trục xuất phải được phép đệ trình những lý lẽ phản đối việc trục xuất, được yêu cầu nhà chức trách có thẩm quyền, hoặc một người hoặc những người mà nhà chức trách có thẩm quyền đặc biệt cử ra, xem xét lại trường hợp của mình và được có đại diện khi trường hợp của mình được xem xét lại”*.

Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (CERD) cũng nhấn mạnh sự bình đẳng giữa những người nước ngoài. Khoản 1, Điều 1 của Công ước đưa ra định nghĩa *“phân biệt chủng tộc”*: *“là bất kỳ sự phân biệt, loại trừ, hạn chế hoặc ưu đãi nào dựa trên cơ sở chủng tộc, màu da, dòng dõi, nguồn gốc dân tộc hoặc sắc tộc, với mục đích hoặc có tác dụng vô hiệu hóa hay làm giảm sự thừa nhận, hưởng thụ hoặc thực hành, trên cơ sở bình đẳng, các quyền và tự do cơ bản của con người về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa hoặc về bất kỳ lĩnh vực nào khác của đời sống công cộng”*. Cũng cần lưu ý rằng Ủy ban Chống phân biệt đối xử về chủng tộc (CERD) đã thông qua một khuyến nghị chung (số 30) về sự phân biệt đối xử chống lại những người không phải là công dân (sẽ phân tích thêm ở phần sau).

Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa (ICESCR). Khoản 2, Điều 2 ICESCR có quy định tương tự như Khoản 1, Điều 2, ICCPR, rằng: *“Các*

Quốc gia thành viên cam kết bảo đảm rằng các quyền được nêu trong Công ước này sẽ được thực hiện không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc các quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, thành phần xuất thân hoặc các địa vị khác". Tuy nhiên, Khoản 3, Điều 2 của Công ước này lại đặt ra ngoại lệ đối với các quốc gia đang phát triển: *"Các quốc gia đang phát triển có thể quyết định mức độ đảm bảo các quyền kinh tế mà đã được ghi nhận trong Công ước này cho những người không phải là công dân của họ, có xem xét thích đáng đến các quyền con người và nền kinh tế quốc dân của mình"*. Dựa trên quy định này, một số quốc gia đang phát triển đã ban hành chính sách và pháp luật tạo ra sự khác biệt giữa công dân với người nước ngoài trong việc hưởng một số quyền kinh tế, xã hội.

2. Bình luận chung, khuyến nghị chung của các Ủy ban giám sát công ước

Cho đến nay, cơ bản mới chỉ có 2 bình luận chung hoặc khuyến nghị chung của các ủy ban giám sát công ước hướng dẫn chi tiết các khía cạnh về quyền của người nước ngoài. Đó là Bình luận chung số 15 (năm 1986) của Ủy ban Nhân quyền và Khuyến nghị chung số 30 (năm 2004) của Ủy ban Chống phân biệt đối xử về chủng tộc.

Năm 1986, Ủy ban Nhân quyền (HRC), cơ quan giám sát Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR, 1966), đã thông qua Bình luận chung số 15 về vị thế của người nước ngoài theo Công ước (*The position of aliens under the Covenant*). Trong Bình luận chung này, Ủy ban Nhân quyền tái khẳng định *"một quy tắc chung là các quyền trong Công ước phải được bảo đảm một cách không có sự phân biệt giữa công dân và người nước ngoài"*. Trừ một vài quyền được trong Công ước đã được chỉ rõ là chỉ áp dụng đối với công dân (Điều 25, về quyền bầu cử, ứng cử, tham gia vào đời sống chính trị, tiếp cận dịch vụ công), người nước ngoài phải được hưởng các quyền khác như công dân. Cạnh đó, các quyền ở Điều 13 (liên quan đến việc trục xuất) chỉ áp dụng đối với người nước ngoài. Ủy ban cũng lưu ý đến tình trạng hiến pháp của nhiều quốc gia chưa quan tâm đầy đủ đến quyền của người nước ngoài mà chủ yếu bảo vệ quyền của công dân.²

² Ngay cả trong Chương II, Hiến pháp 2013 của Việt Nam, có nhiều điều khoản quan trọng về quyền cơ bản chỉ dành sự bảo vệ cho "công dân", mà không bao gồm người nước ngoài (không

Năm 2004, Ủy ban Chống phân biệt đối xử về chủng tộc (CERD), cơ quan giám sát Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (CERD), đã thông qua Khuyến nghị chung số 30 về sự phân biệt đối xử chống lại những người không phải là công dân (*on discrimination against non-citizens*). Khuyến nghị chung này được xây dựng dựa trên việc hệ thống hóa lại nhiều quan điểm không phải chỉ của CERD, mà cả của Ủy ban Nhân quyền và nhiều cơ quan nhân quyền khác, do đó cung cấp một hướng dẫn khá toàn diện về bảo vệ quyền của người nước ngoài.

Trong Khuyến nghị chung 30, CERD khẳng định trách nhiệm của các quốc gia thành viên trong việc bảo đảm sự bình đẳng giữa công dân và người không phải là công dân trong việc hưởng thụ các quyền này phù hợp với quy định của pháp luật quốc tế, đồng thời nêu ra các khuyến nghị tương đối cụ thể. Về các biện pháp chung, CERD khuyến nghị các nhà nước rà soát, sửa đổi những quy định pháp luật để bảo đảm rằng pháp luật nước mình hoàn toàn phù hợp với Công ước trong việc bảo đảm sự hưởng thụ có hiệu quả tất cả các quyền mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào, bảo đảm rằng có những quy định pháp luật nhằm giúp những người không phải là công dân, bất kể vị thế nhập cư của họ thế nào, có thể chống lại sự phân biệt đối xử về chủng tộc... Về một số lĩnh vực cụ thể, CERD nhấn mạnh nghĩa vụ của các quốc gia trong việc bảo vệ chống lại những ngôn luận thù địch và bạo lực về chủng tộc, nhập quốc tịch, quản lý tư pháp, việc trục xuất hoặc về bất kỳ hình thức đẩy những người không phải là công dân khỏi thẩm quyền tài phán của quốc gia thành viên không được phân biệt đối xử dựa trên các cơ sở về chủng tộc, màu da hoặc nguồn gốc dân tộc và sắc tộc.

II. QUYỀN CỦA MỘT SỐ NHÓM NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Trong khi người nước ngoài là một cộng đồng rộng lớn, có một số nhóm thuộc cộng đồng này ở vị trí yếu thế hơn, dễ bị tổn thương trước các hoàn cảnh, sự vi phạm và được quan tâm bảo vệ nhiều hơn. Một số nhóm đặc biệt đó là: người

quy định chủ thể quyền là “mọi người”). Chẳng hạn như Điều 25 (quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình), Điều 26 (bình đẳng nam, nữ), Điều 35 (quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp)...

không quốc tịch, người tỵ nạn, người lao động di cư, trẻ em và nạn nhân của buôn người. Phần tiếp theo tập trung vào khuôn khổ pháp lý bảo vệ các nhóm này.

1. Người không quốc tịch

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng không quốc tịch. Thông thường, người không quốc tịch có thể là do việc chưa bao giờ có quốc tịch hoặc do họ mất quốc tịch. Quyền của người không quốc tịch được bảo vệ trong một số văn kiện, bao gồm Công ước về vị thế của người không quốc tịch (1954), và Công ước giảm bớt tình trạng người không quốc tịch (1961).

Điều 1 của Công ước về vị thế của người không quốc tịch đưa ra định nghĩa “người không quốc tịch” có nghĩa là người không được coi là công dân của bất kỳ quốc gia nào theo pháp luật hiện hành của quốc gia đó. Điều 12 Công ước này xác định nguyên tắc: vị thế cá nhân của một người không quốc tịch sẽ được điều chỉnh theo luật của nước người đó thường trú hoặc, nếu người đó không có nơi thường trú, thì theo luật của nước mà người đó đang sống (Khoản 1). Các quyền mà một người không quốc tịch có được từ trước và phụ thuộc vào vị thế cá nhân, đặc biệt là những quyền gắn liền với hôn nhân, sẽ được quốc gia thành viên tôn trọng.

Công ước về vị thế của người không quốc tịch bảo vệ nhiều quyền của người không quốc tịch về dân sự, kinh tế và xã hội, cũng như một số khía cạnh phúc lợi, an sinh xã hội. Điều 31 Công ước xác định nghĩa vụ của các quốc gia thành viên không được trục xuất một người không quốc tịch cư trú hợp pháp trên lãnh thổ của mình, ngoại trừ vì những lý do an ninh hoặc trật tự công cộng. Đồng thời, Điều 32 khẳng định các quốc gia thành viên sẽ “tạo điều kiện thuận lợi hết mức có thể cho việc hòa nhập và nhập tịch của người không quốc tịch”.

2. Người tỵ nạn và người xin tỵ nạn

Các quyền của người tỵ nạn (refugee) và người xin tỵ nạn (asylum-seekers) được bảo vệ chủ yếu bởi Công ước về vị thế của người tỵ nạn (1951), và Nghị định thư về vị thế của người tỵ nạn (1967).

Về cơ bản, người tỵ nạn được xác định là người mà “do sự sợ hãi có cơ sở là sẽ bị truy bức vì những lý do chủng tộc, tôn giáo, dân tộc, hoặc do là thành viên của một nhóm xã hội cụ thể nào đó, hay vì quan điểm chính trị, đang ở ngoài đất nước mà người đó có quốc tịch và không thể, hoặc, do sự sợ hãi như vậy, không muốn tiếp nhận sự bảo vệ của quốc gia đó” (Điều 1, Công ước về vị thế của người

tị nạn). Công ước 1951 và Nghị định thư 1967 đòi hỏi người tị nạn phải được bảo vệ các quyền về tôn giáo, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, lập hội, việc làm, nhà ở, cũng như về an sinh xã hội.

Trong số các quyền của người tị nạn, quyền không bị trục xuất đã được coi là “quyền quan trọng nhất”.³ Về việc này, Điều 32 Công ước 1951 xác định nguyên tắc chung rằng các quốc gia thành viên không được trục xuất người tị nạn đang ở hợp pháp trong lãnh thổ của mình, ngoại trừ những lý do về an ninh quốc gia hay trật tự công cộng. Cạnh đó, Điều 33 cấm trục xuất hoặc bắt người tị nạn hồi hương bằng bất kỳ hình thức nào đến biên giới thuộc những lãnh thổ nơi mà cuộc sống hay sự tự do của người ấy bị đe dọa vì các lý do chủng tộc, tôn giáo, quốc tịch, hay vì lý do là thành viên của các nhóm xã hội nhất định, hay bởi quan điểm chính trị.

Người xin tị nạn thường là người mới nhập cảnh vào một quốc gia khác và đề nghị quốc gia này cấp quy chế tị nạn. Người này thường phải chờ một thời gian để được quốc gia xem xét xem có thuộc diện người tị nạn không theo các thủ tục xác định tư cách. Theo quy tắc chung, người xin tị nạn không bị giam giữ, việc xin tị nạn không được coi là một tội phạm (Điều 31 Công ước 1951). Các quốc gia nên áp dụng các biện pháp thay thế, chẳng hạn như có người bảo lãnh hoặc để họ sống trong cộng đồng nhưng định kỳ phải đến trình diện...

3. Người lao động di trú

Các quyền của người lao động di trú được bảo vệ bởi nhiều công ước của ILO và Công ước quốc tế về bảo vệ quyền của tất cả những người lao động di trú và các thành viên gia đình họ (ICRMW, 1990). Trong số các công ước ILO, đặc biệt quan trọng là Công ước số 97 về di trú vì việc làm và Công ước số 143 về điều kiện lao động và đối xử bình đẳng với lao động di trú.

Khoản 1, Điều 2 ICRMW đưa ra định nghĩa “người lao động di trú” là “*một người đã, đang và sẽ làm một công việc có hưởng lương tại một quốc gia mà người đó không phải là công dân*”. Công ước chia người lao động di trú và các thành viên gia đình họ thành hai loại: có giấy tờ và không có giấy tờ. Điều 4 ICRMW định nghĩa các thành viên trong gia đình người lao động di trú là “*những người kết*

³UNHCR và đối tác, Protecting Refugees: A Field Guide for NGOs, Geneva, 2001, trang 18.

hôn hoặc có quan hệ tương tự như quan hệ hôn nhân với những người lao động di trú hay con cái và những người khác sống phụ thuộc vào họ mà được công nhận là thành viên của gia đình theo pháp luật hiện hành và theo các hiệp định song phương và đa phương giữa các quốc gia liên quan”.

ICRMW bảo vệ quyền của người lao động di trú theo hai nhóm chính: (i) các quyền con người mà tất cả mọi người lao động di trú, bất kể có giấy tờ hợp pháp hay không có giấy tờ hợp pháp và các thành viên gia đình họ đều phải được bảo đảm, và (ii) các quyền bổ sung áp dụng với những người lao động di trú hợp pháp và các thành viên gia đình họ.⁴

Tuy nhiên, hiện nay, một thách thức lớn là mới có tương đối ít quốc gia gia nhập ICRMW, kể cả những quốc gia gửi người và quốc gia tiếp nhận người lao động di trú. Tính đến tháng 1 năm 2018, mới có khoảng 50 quốc gia phê chuẩn Công ước này.⁵

4. Trẻ em nước ngoài

Khoản 1, Điều 2 Công ước về quyền trẻ em (CRC) khẳng định nguyên tắc chung rằng các quốc gia thành viên phải tôn trọng và bảo đảm quyền đối với mọi trẻ em “ mà không có bất cứ sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc, sắc tộc hay xã hội, tài sản, khuyết tật, thành phần xuất thân hay địa vị khác của trẻ em hoặc cha mẹ hay người giám hộ hợp pháp của trẻ em đó”.

Một trong những quyền đầu tiên trẻ em cần được bảo đảm liên quan đến đăng ký khai sinh và có quốc tịch. Khoản 1, Điều 7 CRC đòi hỏi trẻ em phải được đăng ký ngay lập tức sau khi được sinh ra và có quyền có họ tên, có quốc tịch ngay từ khi chào đời. Điều này cũng nêu yêu cầu quốc gia phải bảo đảm việc thực hiện quyền khai sinh phù hợp với pháp luật quốc gia và luật quốc tế có liên quan, đặc biệt trong trường hợp mà nếu không làm như thế thì đứa trẻ sẽ không có quốc tịch. Điều 7 này liên quan trực tiếp đến hưởng thụ nhiều quyền khác, đặc biệt là các

⁴ Chi tiết về quyền của nhóm này xem thêm trong “Giáo trình Lý luận và pháp luật về Quyền con người”, Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lã Khánh Tùng (Chủ biên), Nxb.Chính trị quốc gia, 2015, trang 299 – 312.

⁵ Trong khu vực Đông Nam Á, mới chỉ có Philippin phê chuẩn và Campuchia ký Công ước này.

quyền được nêu tại Điều 8 (duy trì bản sắc, bao gồm quốc tịch, họ tên), Điều 9 (không bị tách khỏi cha mẹ), Điều 10 (đoàn tụ gia đình), và Điều 20 (nuôi dưỡng trẻ em bị tách khỏi môi trường gia đình).

Hiện trạng trẻ em không có quốc tịch vẫn tồn tại khá phổ biến tại nhiều quốc gia, gây cản trở đáng kể đến các quyền của các em, bao gồm các quyền cơ bản như về giáo dục và y tế. Theo một báo cáo của Cao ủy Liên Hợp quốc về người tị nạn (UNHCR), trên thế giới cứ 10 phút lại có một đứa trẻ không quốc tịch ra đời. Chỉ tính ở 20 quốc gia có số dân không quốc tịch đông nhất, mỗi năm có 70.000 trẻ vô quốc tịch được sinh ra. Trong khu vực Đông Nam Á, một số quốc gia đã có sự linh hoạt cho trẻ em không quốc tịch đến trường, trong thời gian các em chờ để được cấp quốc tịch.⁶

III. KẾT LUẬN

Nhìn chung, cho đến nay, khuôn khổ luật nhân quyền quốc tế bảo vệ người nước ngoài dù tương đối đa dạng, nhiều nguồn, nhưng còn khá tản mát, chưa được hệ thống hóa đầy đủ. Cơ chế bảo vệ nhân quyền của một số khu vực, đặc biệt là của châu Âu, dường như đang làm tốt hơn trong việc bảo vệ quyền của người nước ngoài so với hệ thống bảo vệ toàn cầu. Do đó, việc tìm hiểu các hệ thống bảo vệ nhân quyền khu vực đối với nhóm này cũng là cần thiết.

Việt Nam đã là thành viên của 7 trong tổng số 9 công ước căn bản về nhân quyền, bao gồm các công ước ICCPR, ICESCR, CERD, CRC được phân tích ở trên. Tuy nhiên, nhiều khía cạnh bảo vệ quyền của người nước ngoài ở Việt Nam còn những thách thức và bất cập,⁷ làm cản trở tiến trình hội nhập, hiện đại hóa quốc gia, do đó, cần sự quan tâm của nhiều bên đối với việc nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật và thực hành trong nước cho phù hợp hơn với các chuẩn mực quốc tế. Cạnh đó, việc hoàn thiện các cơ chế bảo vệ quyền nói chung (đặc biệt là tòa án, cơ quan nhân quyền quốc gia độc lập và hiệu quả) có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ quyền của mọi người, dù là công dân hay người nước ngoài.

⁶ Trường hợp của Malaysia và một số địa phương ở Việt Nam (tuy nhiên đây chỉ là sự linh hoạt tạm thời mà chưa có quy định rõ ràng).

⁷ Chẳng hạn như trong việc phân biệt đối xử, việc bảo đảm quyền lập hội, hội họp của người nước ngoài, quyền của phóng viên nước ngoài, hoặc cách xử lý đối với một số người tị nạn đến Việt Nam từ nước ngoài...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tuyên bố về Quyền con người của những cá nhân không phải là công dân của quốc gia mà họ đang sinh sống, 1985.
2. Bình luận chung số 15 (1986) của Ủy ban Nhân quyền (HRC) về vị thế của người nước ngoài theo Công ước.
3. Khuyến nghị chung số 30 (2004) của Ủy ban xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (CERD) về sự phân biệt đối xử chống lại những người không phải là công dân.
4. OHCHR, *The Rights of Non-citizens*, United Nations New York and Geneva, 2006.